CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH
V/v giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn huyện Sa Thầy

I. Căn cứ Pháp lý:

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; Số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 21/2022/NQ/HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc Ban hành Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Số 23/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc ban hành Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Số 24/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 về mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Số 25/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm

2022 về mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục dự án đầu tư năm 2022 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 59/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 61/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Trên cơ sở các căn cứ pháp lý nêu trên, để tiếp tục triển khai Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Thuyết minh các nội dung trình Hội đồng nhân dân huyện khóa XI, Kỳ họp thứ 5 cụ thể như sau:

II. Nội dung Thuyết minh:

1. Về mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Phấn đấu mức giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 là 5,4%. Căn cứ xác định: *Theo dự kiến giao chỉ tiêu hộ nghèo năm 2023 của huyện Sa Thầy cho các xã, thị trấn (do Phòng Lao động - TB&XH cung cấp), theo đó chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo của 10 xã, thị trấn (trừ xã Sa Nhơn) thuộc vùng đồng bào DTTS&MN thì tỷ lệ này được xác định là 5,44%.*

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo năm 2023 giảm 5%.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Phấn đấu tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 là 50% *(trong đó, tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao là 40%)*. Cơ sở xác định: Mục tiêu năm 2023: Tỷ lệ xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao = Số xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao (*tính lũy kế + xã mục tiêu năm 2022*) /(chia) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (*tính lũy kế + xã mục tiêu năm 2023 là xã Hơ Moong*) * 100%. Đối với xã nông thôn mới hiện nay, huyện đã có 04 xã (*Sa Sơn, Sa Nhơn, Sa Nghĩa, Sa Bình*) đạt chuẩn xã nông thôn mới; riêng năm 2023 huyện xây dựng thêm 01 xã (Hơ Moong) đạt chuẩn xã nông thôn mới. Đối với xã nông thôn mới nâng cao: Huyện đã có 01 xã (Sa Nhơn) đạt chuẩn xã nông thôn mới; xã Sa Nghĩa (*xã mục tiêu xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao năm 2022*) hiện đang hoàn thiện hồ sơ để trình huyện thẩm tra; dự kiến huyện sẽ thẩm tra xong trong tháng 01 năm 2022 và trình tỉnh thẩm định. Dự kiến tỉnh sẽ lên thẩm định trong tháng 02 năm 2023. Mặt khác theo Phương án của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Công văn số 2318/SNN-NTM ngày 10 tháng 8 năm 2022*) đang trình tỉnh thì năm 2023 huyện Sa Thầy không có xã mục tiêu xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

2. Dự toán đề nghị giao: Đề nghị phân bổ **77.023** triệu đồng dự toán ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, bao gồm **40.695** triệu đồng vốn đầu tư phát triển và **36.328** triệu đồng vốn sự nghiệp cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó: Phân bổ chi tiết kỳ này **55.860,9** triệu đồng *(Vốn đầu tư phát triển **25.221,9** triệu đồng, vốn sự nghiệp **30.639,0** triệu đồng)*; Chưa phân bổ chi tiết kỳ này **21.162,1** triệu đồng, chiếm 27,5% dự toán ngân sách Trung ương tỉnh giao *(Vốn đầu tư phát triển **15.473,1** triệu đồng, vốn sự nghiệp **5.689,0** triệu đồng)*, Ủy ban nhân dân huyện sẽ tiếp tục triển khai rà soát, trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ chi tiết cho các đơn vị, địa phương sau khi đảm bảo mục tiêu, nhiệm vụ và thủ tục theo quy định.

**** Phân bổ theo từng chương trình như sau:***

A. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I : từ năm 2021 đến năm 2025:

Năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho huyện là **57.985,0** triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển **36.643,0** triệu đồng; vốn sự nghiệp **21.342,0** triệu đồng. Phân bổ chi tiết kỳ này **39.932,9** triệu đồng, đạt **68,9%** dự toán ngân sách Trung ương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, còn lại **18.052,1** triệu đồng Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ sau khi đủ điều kiện, cụ thể:

(1) Vốn đầu tư phát triển phân bổ chi tiết kỳ này **24.279,9** triệu đồng, cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đạt **66,3%** dự toán ngân sách Trung ương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; còn lại **12.363,1** triệu đồng, chiếm

33,7%, Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ sau khi đủ điều kiện.

(2) Vốn sự nghiệp phân bổ chi tiết kỳ này **15.653,0** triệu đồng, cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đạt **73,3%** dự toán ngân sách Trung ương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; còn lại **5.689,0** triệu đồng, Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ sau khi đủ điều kiện;

Phân bổ theo các dự án của Chương trình cụ thể như sau:

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt:

- Tổng kinh phí phân bổ: 6.681 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 4.221 triệu đồng, vốn sự nghiệp 2.460 triệu đồng;

- Căn cứ phân bổ: Vận dụng tiêu chí phân bổ tại Phụ lục 1, Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND, ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Phương án phân bổ:

+ Vốn đầu tư: Cứ: 01 hộ đất ở được **0,4 điểm**; 01 hộ nhà ở được **0,4 điểm**; 01 hộ đất sản xuất được **0,225** điểm; mỗi công trình nước SH tập trung được **30 điểm**. (1) Lấy tổng vốn đầu tư của dự án được giao (4.221 triệu đồng) chia tổng điểm của các xã, thị trấn (42,55 điểm) = mức vốn bình quân cho 01 điểm (99,2 triệu đồng); (2) Lấy tổng điểm của từng xã/thị trấn x mức vốn bình quân cho 01 điểm; (3) Rà soát số lượng, định mức từng nội dung (đất ở, nhà ở, đất sản xuất) bảo đảm đủ định mức và hiệu chỉnh làm tròn số để phân bổ cho từng xã, thị trấn; (4) Số vốn còn lại phân bổ đầu tư công trình nước sinh hoạt tập trung;

+ Vốn sự nghiệp: Cứ: 01 hộ chuyển đổi nghề được **0,1 điểm**; 01 hộ nước sinh hoạt phân tán được **0,03 điểm**. (1) Lấy tổng vốn sự nghiệp của dự án được giao (2.460 triệu đồng) chia tổng điểm của các xã, thị trấn (24,61 điểm) = mức vốn bình quân cho 01 điểm (99,96 triệu đồng); (2) Lấy tổng điểm của từng xã/thị trấn x mức vốn bình quân cho 01 điểm; (3) Hiệu chỉnh làm tròn số để phân bổ cho từng xã, thị trấn.

Ghi chú: *Số liệu nhu cầu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt phân tán được UBND các xã, thị trấn rà soát, đăng ký và được UBND huyện tổng hợp báo cáo Ban Dân tộc tại Công văn số 1771/UBND-TH, ngày 08/8/2021.*

2. Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: Tổng kinh phí phân bổ (vốn đầu tư phát triển): 7.750 triệu đồng.

Ưu tiên phân bổ 100% nguồn vốn cho Dự án ổn định dân cư thôn Đăk Wớt, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy chuyển tiếp từ năm 2022 để bảo đảm tiến độ của dự án.

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị:

Tổng kinh phí phân bổ: 11.069 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Trong đó:

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân: 5.689 triệu đồng.

- Tổng kinh phí phân bổ (vốn sự nghiệp): 5.689 triệu đồng.

- Căn cứ phân bổ: Vận dụng tiêu chí phân bổ tại Phụ lục 3, Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND, ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Phương án phân bổ: Cứ: Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ được **0,1 điểm**; Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ được **0,3 điểm**; mỗi tấn gạo cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ được **0,12 điểm**.

Hiện nay các xã, thị trấn chưa rà soát, đăng ký xong diện tích trồng rừng năm 2023 về Phòng Nông nghiệp - PTNT nên chưa có căn cứ phân bổ, vì vậy tạm giao cho Phòng Nông nghiệp - PTNT và sẽ phân bổ chi tiết cho các xã, thị trấn sau khi đủ điều kiện.

3.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Tổng kinh phí phân bổ 5.380 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Căn cứ phân bổ: Vận dụng tiêu chí phân bổ tại Phụ lục 3, Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND, ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Phương án phân bổ: Cứ: Mỗi xã khu vực III được 28 điểm (xác định 06 xã, trừ Sa Bình đã hoàn thành NTM); mỗi thôn đặc biệt khó khăn được **05 điểm** (không quá 04 thôn/xã; xác định 08 thôn/3 xã, thị trấn); mỗi xã đặc biệt khó khăn đồng thời là xã biên giới đất liền (02 xã) được **02 điểm**; 01% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK được **0,15 điểm** *(theo Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Sa Thầy năm 2019)*.

(1) Lấy tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án được giao (5.380 triệu đồng) chia tổng điểm của các xã, thị trấn (228,7 điểm) = mức vốn bình quân cho 01 điểm (23,52 triệu đồng); (2) Lấy tổng điểm của từng xã/thị trấn x mức vốn bình quân cho 01 điểm; (3) Hiệu chỉnh làm tròn số để phân bổ cho từng xã, thị trấn.

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc *(Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)*:

- Tổng kinh phí phân bổ: 24.889 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 22.750 triệu đồng, vốn sự nghiệp 2.139 triệu đồng.

- Căn cứ phân bổ: Vận dụng tiêu chí phân bổ tại Phụ lục 4, Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND, ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (chỉ vận dụng các tiêu chí phù hợp).

- Phương án phân bổ:

+ Vốn đầu tư: (1) Xác định đầu tư nâng cấp, sửa chữa công trình chợ xã Rờ Kơi theo tổng vốn đầu tư cả giai đoạn cho nội dung 746 triệu đồng; (2) Xác định ưu tiên vốn đầu tư nâng cấp công trình đường liên xã (Sa Bình - Ya Ly) có tổng vốn cả giai đoạn 17.915 triệu đồng, đã bố trí năm 2022 là 3.250,4 triệu đồng, còn lại 14.655 triệu đồng, dự kiến bố trí năm 2023 và 2024 mỗi năm 7.332 triệu đồng để bảo đảm tiến độ công trình (nhóm c) trong 3 năm theo quy định.

Tổng vốn đầu tư còn lại 14.672 triệu đồng được phân bổ cho các xã, thị trấn theo tiêu chí: Cứ Mỗi xã khu vực III được **100 điểm** (xác định 06 xã, trừ Sa Bình); mỗi thôn đặc biệt khó khăn được **15 điểm** (không quá 04 thôn/xã; xác định 08 thôn/3 xã, thị trấn); mỗi xã đặc biệt khó khăn đồng thời là xã biên giới đất liền (02 xã) được **10 điểm**; 01% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK được **0,3 điểm**. (1) Lấy tổng vốn đầu tư của tiểu dự án được giao, sau khi đã trừ mức vốn bố trí cho 02 công trình nêu trên (14.672 triệu đồng) chia tổng điểm của các xã, thị trấn (773,5 điểm) = mức vốn bình quân cho 01 điểm (18,97 triệu đồng); (2) Lấy tổng điểm của từng xã/thị trấn x mức vốn bình quân cho 01 điểm; (3) Hiệu chỉnh làm tròn số để phân bổ cho từng xã, thị trấn *(năm 2023 có điều vốn của xã này sang xã khác để đảm bảo hoàn thành các dự án có quy mô lớn, nhưng không làm thay đổi tổng vốn của từng xã trong cả giai đoạn)*.

+ Vốn sự nghiệp: Cứ Mỗi xã khu vực III được **09 điểm** (xác định 06 xã, trừ Sa Bình); mỗi thôn đặc biệt khó khăn được **1,8 điểm** (không quá 04 thôn/xã; xác định 08 thôn/3 xã, thị trấn); mỗi xã đặc biệt khó khăn đồng thời là xã biên giới đất liền (02 xã) được **01 điểm**; 01% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK được **0,03 điểm**. (1) Lấy tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án được giao (2.139 triệu đồng) chia tổng điểm của các xã, thị trấn (73,75 điểm) = mức vốn bình quân cho 01 điểm (29 triệu đồng); (2) Lấy tổng điểm của từng xã/thị trấn x mức vốn bình quân cho 01 điểm; (3) Hiệu chỉnh làm tròn số để phân bổ cho từng xã, thị trấn.

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

5.1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường Phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

- Tổng kinh phí phân bổ: 1.563 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 729 triệu đồng, vốn sự nghiệp 834 triệu đồng.

- Phương án phân bổ:

+ Vốn đầu tư: Phân bổ 100% vốn đầu tư để tiếp tục xây dựng Trường TH-THCS xã Ya Ly (điểm trường Trung tâm). Hạng mục 02 phòng học chức năng và các hạng mục phụ trợ *(công trình chuyển tiếp từ năm 2022).*

+ Vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% vốn sự nghiệp cho Phòng Giáo dục & đào tạo để thực hiện mục tiêu xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS&MN.

5.3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi:

- Tổng kinh phí phân bổ (vốn sự nghiệp): 2.341 triệu đồng.

- Phương án phân bổ: Phân bổ 100% vốn sự nghiệp cho Phòng Lao động - TB&XH để đặt hàng thực hiện mục tiêu đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người dân vùng đồng bào DTTS&MN.

5.4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp:

- Tổng kinh phí phân bổ (vốn sự nghiệp): 374 triệu đồng.

- Phương án phân bổ: Phân bổ 100% vốn sự nghiệp cho Phòng Dân tộc để bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cộng đồng người dân vùng đồng bào DTTS&MN.

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch:

- Tổng kinh phí phân bổ: 602 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 431 triệu đồng, vốn sự nghiệp 171 triệu đồng;

- Phương án phân bổ:

+ Vốn đầu tư: Phân bổ đầu tư, nâng cấp 03 thiết chế văn hóa (nhà Rông) tại các thôn/làng vùng đồng bào DTTS (theo hướng dẫn của ngành Văn hóa cấp trên).

+ Phân bổ 100% vốn sự nghiệp cho Phòng Văn hóa - Thông tin để hỗ trợ các đội văn nghệ truyền thống tại các thôn thuộc vùng đồng bào DTTS&MN (theo hướng dẫn của ngành Văn hóa cấp trên).

7. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em:

- Tổng kinh phí phân bổ (vốn sự nghiệp): 907 triệu đồng.

- Phương án phân bổ: Phân bổ cho Hội LHPN cấp huyện 60% (tương đương 544 triệu đồng), cấp xã 40% (tương đương 363 triệu đồng) theo đề xuất của Hội LHPN huyện.

Vận dụng tiêu chí phân bổ tại Phụ lục 8, Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND, ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (chỉ vận dụng các tiêu chí phù hợp). Phân bổ cho các xã, thị trấn theo tiêu chí: Cứ Mỗi xã khu vực III được **10 điểm** (xác định 06 xã, trừ Sa Bình); mỗi thôn đặc biệt khó khăn được **02 điểm** (không quá 04 thôn/xã; xác định 08 thôn/3 xã, thị trấn); mỗi xã đặc biệt khó khăn đồng thời là xã biên giới đất liền (02 xã) được **01 điểm**. (1) Lấy tổng vốn sự nghiệp của dự án được giao sau khi đã trừ mức vốn giao cho Hội LHPN huyện (363 triệu đồng) chia tổng điểm của các xã, thị trấn (78 điểm) = mức vốn bình quân cho 01 điểm (4,7 triệu đồng); (2) Lấy tổng điểm của từng xã/thị trấn x mức vốn bình quân cho 01 điểm; (3) Hiệu chỉnh làm tròn số để phân bổ cho từng xã, thị trấn.

8. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn:

8.2. Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Tổng kinh phí phân bổ (vốn sự nghiệp): 279 triệu đồng.

- Phương án phân bổ: Phân bổ cho Phòng Dân tộc huyện khoảng >10% (tương đương 28 triệu đồng) để tổ chức tập huấn cho Mô hình, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết; cấp xã khoảng <90% (tương đương 251 triệu đồng).

Vận dụng tiêu chí phân bổ tại Phụ lục 9, Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND, ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (chỉ vận dụng các tiêu chí phù hợp). Phân bổ cho các xã, thị trấn theo tiêu chí: Cứ Mỗi xã khu vực III được **03 điểm** (xác định 06 xã, trừ Sa Bình); mỗi xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN được **01 điểm** (04 xã); mỗi Mô hình (01 mô hình) được **02 điểm**. (1) Lấy tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án được giao sau khi đã trừ mức vốn giao cho Phòng Dân tộc (251 triệu đồng) chia tổng điểm của các xã, thị trấn (24 điểm) = mức vốn bình quân cho 01 điểm (10,5 triệu đồng); (2) Lấy tổng điểm của từng xã/thị trấn x mức vốn bình quân cho 01 điểm; (3) Hiệu chỉnh làm tròn số để phân bổ cho từng xã, thị trấn.

9. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình:

9.1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia:

- Tổng kinh phí phân bổ (vốn sự nghiệp): 538 triệu đồng.

- Phương án phân bổ: Phân bổ cho cấp huyện khoảng 38,7%, cấp xã 61,3%, cụ thể:

+ Nội dung số 01: Phân bổ cho Phòng Dân tộc khoảng 180 triệu đồng (khoảng 33%) để tổ chức tuyền truyền, gặp mặt, thăm hỏi và thực hiện các chính sách cho 60 người có uy tín (theo Quyết định 12/2018/QĐ-TTg); tổ chức 01 hội nghị cấp huyện gặp mặt, tặng quà, biểu dương, tôn vinh, khen thưởng người có uy tín và các điển hình tiên tiến trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội trên địa bàn huyện; tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết nội dung;

+ Nội dung số 02:

. Phân bổ cho Phòng Dân tộc khoảng 2,2% (tương đương 12 triệu đồng) để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, kiểm tra, giám sát và sơ kết nội dung; phân bổ cho Trung tâm VH-TT-DL&TT khoảng 3% (tương đương 16 triệu đồng) để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, làm phóng sự, nêu gương các điển hình trong vùng đồng bào DTTS và tin bài bằng tiếng DTTS.

. Phân bổ cho cấp xã khoảng 61% (tương đương 330 triệu đồng), vận dụng tiêu chí phân bổ tại Phụ lục 10, Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND, ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, phân bổ cho các xã theo tiêu chí: Cứ Mỗi xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN được **7,5 điểm** (10 xã). (1) Lấy tổng vốn sự

nghiệp của nội dung số 02 được giao cho cấp xã (330 triệu đồng) chia tổng điểm của các xã, thị trấn (75 điểm) = mức vốn bình quân cho 01 điểm (4,4 triệu đồng); (2) Lấy tổng điểm của từng xã/thị trấn x mức vốn bình quân cho 01 điểm; (3) Hiệu chỉnh làm tròn số để phân bổ cho từng xã, thị trấn.

9.2. Tiểu Dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Tổng kinh phí phân bổ: 833 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển: 762 triệu đồng, vốn sự nghiệp 71 triệu đồng.

- Phương án phân bổ:

+ Vốn đầu tư: Phân bổ 100% vốn đầu tư cho 03 xã đặc biệt khó khăn để Hỗ trợ thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự *(trong đó có 01 điểm chuyển tiếp từ năm 2022).*

+ Vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% vốn sự nghiệp cho Phòng Dân tộc để thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng ĐBDTTS&MN GĐ 2021-2030 theo Điểm b, Khoản 10, QĐ 1719/QĐ-TTg.

9.3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình:

- Tổng kinh phí phân bổ (vốn sự nghiệp): 159 triệu đồng.

- Phương án phân bổ: Vận dụng tiêu chí phân bổ tại Phụ lục 10, Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND, ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, phân bổ cho các cơ quan, đơn vị cấp huyện, cấp xã theo tiêu chí:

+ Phân bổ cho cơ quan, đơn vị cấp huyện 54% (tương đương 86 triệu đồng), trong đó:

. Phòng Dân tộc khoảng 31,4% (tương đương 50 triệu đồng) để tổ chức 02 cuộc kiểm tra, tổ chức đánh giá, sơ kết tổng thể Chương trình giữa giai đoạn;

. Phân bổ cho Ủy ban MTTQVN huyện khoảng 10,1% (tương đương 16 triệu đồng); phân bổ cho Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Huyện đoàn, Ban Dân vận Huyện ủy, mỗi đơn vị khoảng 3,1% (tương đương 05 triệu đồng) để tổ chức các hoạt động giám sát, phản biện các hoạt động của Chương trình;

+ Phân bổ cho các xã, thị trấn 46% (tương đương 73 triệu đồng), theo tiêu chí: Cứ Mỗi xã khu vực III được **05 điểm** (xác định 06 xã, trừ Sa Bình); mỗi xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN có thôn ĐBKK được **01 điểm** (03 xã). (1) Lấy tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án được giao cho cấp xã (73 triệu đồng) chia tổng điểm của các xã, thị trấn (33 điểm) = mức vốn bình quân cho 01 điểm (2,21 triệu đồng); (2) Lấy tổng điểm của từng xã/thị trấn x mức vốn bình quân cho 01 điểm; (3) Hiệu chỉnh làm tròn số để phân bổ cho từng xã, thị trấn.

B. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: phân bổ **7.342,0** triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển **4.052,0** triệu đồng; vốn sự

nghiệp **3.290,0** triệu đồng. Phân bổ chi tiết kỳ này **4.232,0** triệu đồng, đạt 57,6% dự toán ngân sách Trung ương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; còn lại **3.110,0** triệu đồng Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ sau khi đủ điều kiện, cụ thể:

(1) Vốn đầu tư phát triển phân bổ chi tiết kỳ này **942,0** triệu đồng, cho các cơ quan đạt 23,2% dự toán ngân sách Trung ương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; còn lại **3.110,0** triệu đồng, chiếm 76,8%, Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ sau khi đủ điều kiện.

(2) Vốn sự nghiệp phân bổ chi tiết kỳ này **3.290,0** triệu đồng, cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đạt 100% dự toán ngân sách Trung ương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

*** Phương án phân bổ cụ thể như sau:**

1. Thực hiện Hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp: **400 triệu đồng**, giao Phòng NN&PTNT là đơn vị thực hiện. Căn cứ: Việc phân bổ theo hướng tập trung; việc lựa chọn đơn vị chủ trì thực hiện án, quy trình thực hiện, mẫu thủ tục, hồ sơ rất phức tạp theo quy định tại điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm: **300 triệu đồng**, giao Phòng NN&PTNT là đơn vị thực hiện. Căn cứ: Việc tổ chức đánh giá phân hạng sản phẩm; hỗ trợ phát triển và chuẩn hóa sản phẩm OCOP,... hàng năm giao cấp huyện thực hiện (*theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 2, Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ*).

3. Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới: **1.000 triệu đồng**. Giao Phòng Văn hóa thông tin là đơn vị thực hiện. Căn cứ: Việc phê duyệt và triển khai các mô hình phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025; Công văn số 1926/SNN-NTM ngày 11/7/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Khoản 2.3, mục 2*) và theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng Văn hóa thông tin.

4. Thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh: **200 triệu đồng**. Giao Phòng Văn hóa thông tin là đơn vị thực hiện. Căn cứ: Việc lựa chọn, tổ chức triển khai hiệu quả các mô hình thí điểm chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 – 2025; Công văn số 1926/SNN-NTM ngày 11/7/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Khoản 2.8, mục 2*) và theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng Văn hóa thông tin.

5. Tập huấn nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của của cán bộ các cấp và người dân về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới: **60**

triệu đồng, giao Phòng NN&PTNT là đơn vị thực hiện. Căn cứ: Thực hiện theo quy định tại Điểm d, khoản 2, Điều 2, Quyết định số 3360/QĐ-BNN-VPĐP ngày 06/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thì giao cấp huyện tổ chức thực hiện tập huấn theo Kế hoạch của tỉnh.

6. Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào "Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới": **50 triệu đồng**, theo tình hình thực tế và chức năng nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đơn vị thực hiện.

7. Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng Nông thôn mới: 7**00 triệu đồng**, giao UBND các xã là đơn vị thực hiện.

Căn cứ: Theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 để hoàn hiện và đạt chuẩn các chỉ tiêu thuộc Tiêu chí số 17 và Môi trường và An toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí Quốc gia xã nông thôn mới (*Theo Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh*). Và căn cứ vào tình hình thực tế và các mục tiêu xây dựng nông thôn mới năm 2022 của các xã. Trên cơ sở đó, huyện phân bổ đều cho các xã (*mỗi xã 70 triệu đồng*).

8. Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng Nông thôn mới: 50 triệu đồng. Giao UBND các xã là đơn vị thực hiện. giao UBND các xã là đơn vị thực hiện.

Căn cứ: Khoản 8, mục VI theo Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, giao UBND các cấp thuộc địa phương tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình đảm bảo đạt chuẩn bền vững Chỉ tiêu 19.2 thuộc Tiêu chí số 19 về Quốc phòng An ninh của Bộ tiêu chí Quốc gia xã nông thôn mới (*Theo Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh*). Trên cơ sở đó, huyện phân bổ đều cho các xã (*mỗi xã 05 triệu đồng*).

9. Kinh phí quản lý Chương trình: **230 triệu đồng**, giao Văn phòng điều phối Nông thôn mới huyện (*Phòng NN&PTNT*) 30 triệu đồng và UBND các xã (*mỗi xã 20 triệu đồng*) là đơn vị thực hiện. Căn cứ: Theo Phương án xây dựng kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Điểm 2, mục III Công văn số 1676/SNN-NTM ngày 19/6/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phương án xây dựng kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025.

10. Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; Thực hiện các mô hình thôn/làng, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu và thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định hiện hành: **200 triệu đồng**.

Căn cứ: Đây là phần vốn sự nghiệp còn lại phân bổ trực tiếp cho các xã để triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình nông thôn mới ở cấp xã (*quy định cụ thể tại Điều 7, Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum*). Trên cơ sở đó, huyện phân bổ đều cho các xã (*mỗi xã 20 triệu đồng*).

C. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Năm 2023 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao vốn về cho huyện là **11.696,0** triệu đồng nguồn vốn sự nghiệp dự kiến phân bổ chi tiết cho các cơ quan đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, đạt 100% dự toán được giao.

1. Nội dung thực hiện hỗ trợ: Căn cứ khoản 2, Mục III, Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; Chương II, Thông tư số 09/2022/TT- BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - TBXH)

2. Định mức phân bổ nguồn vốn áp dụng tại Điều 6 Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. Tiêu chí, hệ số, định mức và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các đơn vị, các xã, thị trấn thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022 *(theo Báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 số 916/BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022);* số đơn vị hành chính cấp thôn, địa bàn khó khăn. Cụ thể:

Tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã, thị trấn thứ I (Xi).

Tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp thôn của xã thứ i theo công thức: Yi = (0,12.XKKi x 2,5) + ĐVi.

Trong đó: XKKi là hệ số của xã KK thứ i. (Xã khó khăn có 6/11 xã thị trấn)

ĐVi là hệ số đơn vị hành chính thôn của xã thứ i.

Q là vốn bình quân cho một xã được tính theo công thức:

Q=G/ (Tổng Xi*Yi)

G là tổng số vốn ngân sách phân bổ cho huyện (tổng tiền) thực hiện Dự án

4. Phương án phân bổ các dự án, tiểu dự án

4.1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Tổng số nguồn vốn: 4.556 triệu đồng. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn áp dụng tại Điều 6, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Phân bổ 100% cho các xã, thị trấn

- Sau khi tính toán tích số của tổng các hệ số tiêu chí (Xi.Yi) toàn huyện là 16,59 điểm; Lấy 4.556 triệu *(tổng tiền dự án)* chia (:) cho 16,59 điểm = 274,58 triệu đồng/1 xã. Sau đó lấy 274,58 triệu đồng nhân (x) với tích số của tổng các hệ số tiêu chí (Xi.Yi) của từng xã.

4.2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

** Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*

- Tổng số nguồn vốn: 1.969 triệu đồng. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn áp dụng tại Điều 7, Nghị quyết số 22//202/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Phân bổ Phòng Nông nghiệp và PTNT (2%) = 39 triệu đồng; các xã, thị trấn (98%) = 1.930 triệu đồng

- Sau khi tính toán tích số của tổng các hệ số tiêu chí (Xi.Yi) toàn huyện là 16,59 điểm; Lấy 1.930 triệu *(tổng tiền dự án)* chia (:) cho 16,59 điểm = 116,32 triệu đồng/1 xã. Sau đó lấy 116,32 triệu đồng nhân (x) với tích số của tổng các hệ số tiêu chí (Xi.Yi) của từng xã.

** Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng*

- Tổng số nguồn vốn: 582 triệu đồng. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn áp dụng tại Điều 7, Nghị quyết số 22//202/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Phân bổ Phòng Y tế (10%) = 58 triệu đồng; các xã, thị trấn (90%) = 524 triệu đồng

- Sau khi tính toán tích số của tổng các hệ số tiêu chí (Xi.Yi) toàn huyện là 16,59 điểm; Lấy 524 triệu *(tổng tiền dự án)* chia (:) cho 16,59 điểm = 31,58 triệu đồng/1 xã. Sau đó lấy 31,58 triệu đồng nhân (x) với tích số của tổng các hệ số tiêu chí (Xi.Yi) của từng xã.

4.3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

** Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp*

- Tổng số nguồn vốn: 2.612 triệu đồng. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn áp dụng tại Điều 7, Nghị quyết số 22//202/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Quy định Phòng Lao động TBXH: 20%; Trung Tâm GDNN-GDTX: 40%, Các xã, thị trấn: 40%. Tuy nhiên tại Điều 4, mục III, Quyết định số 90/QĐ-TTg: Các xã thị trấn không thuộc đối tượng thực hiện. Vì vậy, 40% của các xã, thị trấn giao cho Phòng Lao động - TBXH thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề. Như vậy, Phòng Lao động TBXH (44,6%) = 1.138 triệu đồng; Trung Tâm GDNN - GDTX (56,4%) = 1.474 triệu đồng

** Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*

- Tổng số nguồn vốn: 776 triệu đồng. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn áp dụng tại Điều 8, Nghị quyết số 22//202/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Phân bổ Phòng Lao động - TBXH (10%) = 77 triệu đồng; các xã, thị trấn (90%) = 699 triệu đồng

- Sau khi tính toán tích số của tổng các hệ số tiêu chí (Xi.Yi) toàn huyện là 16,59 điểm; Lấy 699 triệu *(tổng tiền dự án)* chia (:) cho 16,59 điểm = 42,13 triệu đồng/1 xã.

Sau đó lấy 42,13 triệu đồng nhân (x) với tích số của tổng các hệ số tiêu chí (Xi.Yi) của từng xã.

4.4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

** Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*

- Tổng số nguồn vốn: 383 triệu đồng. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn áp dụng tại Điều 10, Nghị quyết số 22//2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Phân bổ Phòng Văn hóa và thông tin (30%)=114 triệu đồng; các xã, thị trấn (70%) = 269 triệu đồng

- Sau khi tính toán tích số của tổng các hệ số tiêu chí (Xi.Yi) toàn huyện là 16,59 điểm; Lấy 269 triệu *(tổng tiền dự án)* chia (:) cho 16,59 điểm = 16,21 triệu đồng/1 xã. Sau đó lấy 16,21 triệu đồng nhân (x) với tích số của tổng các hệ số tiêu chí (Xi.Yi) của từng xã.

** Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*

- Tổng số nguồn vốn: 174 triệu đồng. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn áp dụng tại Điều 8, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Phân bổ Phòng Lao động -TBXH (35%) = 60 triệu đồng; các xã, thị trấn (65%) = 114 triệu đồng

- Sau khi tính toán tích số của tổng các hệ số tiêu chí (Xi.Yi) toàn huyện là 16,59 điểm; Lấy 114 triệu *(tổng tiền dự án)* chia (:) cho 16,59 điểm = 6,87 triệu đồng/1 xã. Sau đó lấy 6,87 triệu đồng nhân (x) với tích số của tổng các hệ số tiêu chí (Xi.Yi) của từng xã.

4.5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình

** Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình*

- Tổng số nguồn vốn: 420 triệu đồng. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn áp dụng tại Điều 11, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Phân bổ Phòng Lao động -TBXH (30%)= 126 triệu đồng; các xã, thị trấn (70%) = 294 triệu đồng

- Sau khi tính toán tích số của tổng các hệ số tiêu chí (Xi.Yi) toàn huyện là 16,59 điểm; Lấy 294 triệu *(tổng tiền tiểu dự án)* chia (:) cho 16,59 điểm = 17.718,85 triệu đồng/1 xã. Sau đó lấy 17.718,85 triệu đồng nhân (x) với tích số của tổng các hệ số tiêu chí (Xi.Yi) của từng xã.

** Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá chương trình*

- Tổng số nguồn vốn: 224 triệu đồng. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn áp dụng tại Điều 11, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Phân bổ Phòng Lao động -TBXH (30%)= 67 triệu đồng; các xã, thị trấn (70%) = 157 triệu đồng

- Sau khi tính toán tích số của tổng các hệ số tiêu chí (Xi.Yi) toàn huyện là 16,59 điểm; Lấy 157 triệu *(tổng tiền tiểu dự án)* chia (:) cho 16,59 điểm = 9.462,11 triệu đồng/1 xã. Sau đó lấy 9.462,11 triệu đồng nhân (x) với tích số của tổng các hệ số tiêu chí (Xi.Yi) của từng xã.